TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **90**/2018/HNGĐ-ST Ngày 25 - 10 - 2019 V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm**.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Bút**.

Bà **Võ Thị Trà Giang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Kim Thắng** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc:"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989.

2. *Bị đơn*: Anh Chúc Kim Tr, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn Hội Lâm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chúc Kim Tr tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào năm 2009. Năm 2011 chị và anh vào Thành phố H làm ăn và sinh được ba người con chung. Cuộc sống vợ chồng từ năm 2013 trở về đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân do anh Tr có quan hệ ngoại tình với người

khác, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh vẫn không nghe. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống vợ chồng vì anh Tr vẫn không có gì thay đổi. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chúc Kim Tr.

- Về con chung: Chị và anh Tr có ba người con chung, Chúc Phạm Như Q, sinh năm 2011, Chúc Phạm Tường V, sinh năm 2013, Chúc Phạm Linh Đ, sinh năm 2015. Sau khi ly hôn chị nhận nuôi cháu Đ, còn giao cháu Q, cháu V cho anh Tr nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Chúc Kim Tr trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị L về việc xác lập quan hệ hôn nhân, anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị L thời gian từ năm 2013 đến nay có xảy ra mâu thuẫn như chị L đã trình bày là đúng. Bản thân anh đã nhận thấy sai lầm của mình và anh mong chị L bỏ qua để anh có cơ hội sửa chữa và khắc phục. Anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Hiện nay cháu Chúc Phạm Như Q và cháu Chúc Phạm Như Q đang được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh thống nhất nhận nuôi cháu Q và cháu V theo nguyện vọng của chị L. Anh không có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Chúc Kim Tr.

Về con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về nuôi con chung, giao cho anh Chúc Kim Tr trực tiếp nuôi dưỡng Chúc Phạm Như Q, Chúc Phạm Tường V, chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng Chúc Phạm Linh Đ đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Chúc Kim Tr kết hôn trên tinh thần tự nguyện, anh, chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Tr được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân được các bên thừa nhận phát sinh từ năm 2013 khi chị L sinh cháu Chúc Phạm Như Q, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Tr có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến chị L mất lòng tin và hiện nay chị đã không còn tình cảm, không muốn chung sống với anh Tr nữa và chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị ly hôn với anh Tr.

Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Chúc Kim Tr tại Ban chấp hành Hội phụ nữ xã T thể hiện: Chị Phạm Thị L và anh Chúc Kim Tr đã kết hôn vào năm 2009 tại xã T, sau đó anh chị vào Thành phố H lập nghiệp và sinh sống từ đó đến nay. Việc chị L làm đơn ly hôn với anh Tr Hội liên hiệp phụ nữ xã có biết thông tin, tuy nhiên mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của anh Tr và chị L có xảy ra hay không và mức độ mâu thuẫn như thế nào thì Hội liên hiệp phụ nữ xã T không xác định được.

Tại phiên tòa, mặc dù bị đơn anh Chúc Kim Tr có mong muốn được đoàn tụ gia đình cùng chị L để anh có cơ hội sửa chữa khuyết điểm nhưng chị L không thống nhất đoàn tụ và kiên quyết ly hôn với anh Tr. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị L.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung, anh Chúc Kim Tr trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc Chúc Phạm Như Q, sinh năm 2011 và Chúc Phạm Như Q, sinh năm 2013. Chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Chúc Phạm Linh Đ, sinh năm 2015 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L, anh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Chúc Kim Tr.

2.Về con chung: Anh Chúc Kim Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung chưa thành niên, cháu Chúc Phạm Như Q, sinh ngày 11/4/2011, cháu Chúc Phạm Tường V, sinh ngày 28/11/2013. Chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chúc Phạm Linh Đ, sinh ngày 20/11/2015 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L, anh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0004456 lập ngày 30 tháng 8 năm 2019. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*25/10/2019*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, h. T;
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm